

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 554/2025/DS-PT

Ngày: 29-8-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh của Hội đồng xét xử sơ thẩm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 491/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phan Phước H, sinh năm: 1985; CCCD số 080085019173; địa chỉ: ấp H, xã B, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp H, xã B, huyện M, tỉnh Long An, có mặt.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963; CCCD số 080063013580; địa chỉ: ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* bà Bùi Thị B, sinh năm 1976; CCCD số 080176003880; địa chỉ: ấp C, xã B, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Phan Phước H trình bày: vào ngày 08/4/2023, ông H và ông P có ký hợp đồng bao tiêu lúa nếp 46 chùm chênh lệch 100-150-200 đồng giá. Hợp đồng được lập thành 02 bản chính, mỗi bên giữ 01 bản chính. Theo hợp đồng trên, hai bên thỏa thuận mua bán lúa OM18, diện tích 07 hecta, giá chênh lệch với giá thị trường tại thời điểm mua bán là 200 đồng/kg/08 tấn 1 hecta, với số tiền cọc giao nhận là 35.000.000 đồng. Đồng thời hai bên thỏa thuận nếu ông P bán lúa thì phải trả lại cho ông H 35.000.000 đồng tiền cọc và tiền chênh lệch giá lúa 200 đồng/kg với diện tích 08 tấn/01 hecta. Đến tháng 7/2024, ông P bán lúa nhưng không trả lại tiền cho ông H. Sau đó ông H có đòi nợ nhiều lần nhưng ông P vẫn không trả tiền. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông P có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền cọc 35.000.000 đồng và tiền chênh lệch giá lúa 1.600.000 đồng/01 hecta x 07 hecta = 11.200.000 đồng, tổng cộng là 46.200.000 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày: ngày 08/4/2023, ông và ông H có ký hợp đồng bao tiêu lúa nếp 46 chùm. Theo nội dung hợp đồng, hai bên thỏa thuận mua bán lúa OM18, diện tích 07 hecta. Ông P có nhận tiền cọc của ông H 35.000.000 đồng, thỏa thuận ngày thu hoạch lúa là khoảng 100 ngày kể từ ngày gieo xạ. Khi đến ngày thu hoạch lúa, ông H có cho ghe vào cân lúa, nhưng lúc này không có mặt ông H đi cùng. Sau khi cân lúa xong, do người cân lúa không trả tiền nên ông không cho ghe đi. Khi đó ông H có điện thoại cho ông nói là ông H sẽ bảo lãnh cho ghe lúa và hứa trả tiền mua lúa. Ông H hứa trong thời hạn 02 ngày sẽ trả hết số tiền mua lúa nhưng sau 02 ngày ông H vẫn không trả tiền. Khoảng nửa tháng sau, ông P đến nhà ông H để lấy tiền bán lúa. Lúc này ông H nói là ông H đã bán lúa lại cho ông V và yêu cầu ông P đến gặp ông V để lấy tiền.

Do ông có mua phân thuốc của ông V và còn nợ số tiền 110.000.000 đồng nên ông đồng ý khấu trừ tiền nợ phân thuốc vào tiền bán lúa 165.000.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền bán lúa thì số tiền còn lại là 55.000.000 đồng. Đến khoảng 01 năm sau, ông H có nói với ông rằng ông V đã chuyển cho ông H 15.000.000 đồng mà ông V nợ tiền mua lúa trước đây của ông. Ông đồng ý để ông H nhận số tiền 15.000.000 đồng này để trừ vào số tiền cọc. Nay ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tây Ninh, đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước H đối với ông Nguyễn Văn P và bà Bùi Thị B về việc yêu cầu trả tiền cọc.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Bùi Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Phước H số tiền cọc 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước H đối với ông Nguyễn Văn P và bà Bùi Thị B về việc yêu cầu trả tiền chênh lệch giá lúa 11.200.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phan Phước H có nghĩa vụ chịu 560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 1.155.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002992 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Hoàn trả lại cho ông H số tiền 595.000 (năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn P, bà Bùi Thị B có nghĩa vụ liên đới chịu 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 29/5/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Phước H về việc buộc ông trả lại số tiền cọc 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phan Phước H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước H.

- Nguyên đơn ông Phan Phước H đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: ngày 08/4/2023, ông H và ông P có ký "*Hợp đồng bao tiêu lúa nếp 46 chùm chênh lệch 100-150-200 đồng giá*". Hai bên thỏa thuận mua bán lúa OM18, diện tích 07 hecta, giá chênh lệch với giá thị trường tại thời điểm mua bán là 200 đồng/kg. Ông H đã đặt tiền cọc cho ông P là 35.000.000 đồng. Theo hợp đồng trên không ghi rõ ngày gieo sạ, ngày cắt lúa, không có thỏa thuận ngày cắt và cân lúa. Ông P cho rằng đến ngày cắt lúa, ông H cho ghe vào cân lúa nhưng không có mặt ông H. Còn ông H không thừa nhận mua lúa của ông P nhưng

ông P không chứng minh ông H có mua lúa của ông P. Vì vậy lời trình bày của ông P về việc ông H có mua lúa của ông P là không có cơ sở.

Ông P cho rằng khi gặp ông H lấy tiền bán lúa thì ông H nói với ông P rằng ông V là người mua lúa chứ không phải ông H, đồng thời yêu cầu ông P đến gặp ông V để lấy tiền. Do ông P có mua nợ phân thuốc của ông V nên ông P có gặp ông V và đồng ý khấu trừ số tiền bán lúa 165.000.000 đồng vào tiền nợ phân thuốc 110.000.000 đồng.

Do ông H và ông P không cung cấp thông tin của ông V. Tòa án cấp sơ thẩm cũng có Công văn đề nghị UBND xã B, UBND xã B và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện M cung cấp thông tin liên quan đến ông V nhưng không có thông tin về ông V nên không thể triệu tập ông V tham gia tố tụng trong vụ án này. Trường hợp sau này nếu có phát sinh tranh chấp giữa ông H, ông P và ông V thì sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

Theo hợp đồng ngày 08/4/2023 có thể hiện số tiền cọc ông H giao cho ông P là 35.000.000 đồng. Ông P, bà B thừa nhận có nhận tiền cọc của ông H 35.000.000 đồng, số tiền này sử dụng vào phục vụ chi phí sinh hoạt gia đình và sản xuất lúa. Ông P không chứng minh được ông H là người mua lúa của ông P. Hơn nữa ông P cũng đồng ý bán lúa cho ông V nên có sự thống nhất khấu trừ tiền nợ phân thuốc. Do ông P có nhận tiền cọc của ông H nhưng không bán lúa cho ông H nên ông P, bà B phải có nghĩa vụ trả lại cho ông H số tiền cọc 35.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng ông P cho rằng ông V chuyển cho ông H trả tiền mua lúa của ông P để khấu trừ vào số tiền cọc 35.000.000 đồng. Ông H cho rằng ông V không có chuyển khoản tiền nào để trả tiền mua lúa cho ông P. Giữa ông H với ông P không có thỏa thuận ông H sẽ nhận 15.000.000 đồng này để khấu trừ vào số tiền cọc 35.000.000 đồng nên lời trình bày của ông P không có cơ sở.

Nhận thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P không có căn cứ, Tại phiên tòa, ông P có đề nghị được miễn án phí sơ thẩm do là người cao tuổi và thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm miễn án phí sơ thẩm đối với ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P:

[2.1] Xét hợp đồng bao tiêu nếp 46 chùm chênh lệch 100-150-200 đồng giá ngày 08/4/2023 thể hiện: ngày 08/4/2023, ông Phan Phước H thỏa thuận bao tiêu sản phẩm loại lúa OM18, diện tích 07 hecta, giá chênh lệch với giá thị trường tại thời điểm mua bán là 200 đồng/kg cho ông Nguyễn Văn P và ông H đã đặt tiền cọc số tiền là 35.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn P và ông Phan Phước H thỏa thuận xác lập một hợp đồng đặt cọc liên quan việc bao tiêu sản phẩm lúa OM18, diện tích 07 hecta, giá chênh lệch với giá thị trường tại thời điểm

mua bán là 200 đồng, ông H đã đặt cọc cho ông P với số tiền đặt cọc là 35.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ngày thu hoạch là 100 ngày nhưng không thỏa thuận cụ thể ngày gieo xạ, ngày cắt và cân lúa.

[2.2] Xét thấy, nguyên đơn ông H trình bày cho rằng ông chỉ ký hợp đồng bao tiêu lúa với ông P và đặt tiền cọc để hưởng tiền chênh lệch giá lúa khi ông P thu hoạch lúa. Do ông P thu hoạch và bán lúa cho ông V nhưng lại không trả lại tiền cọc và tiền chênh lệch nên yêu cầu ông P phải trả lại tiền cọc 35.000.000 đồng và tiền chênh lệch giá lúa $(7\text{ha} \times 8\text{ tấn/ha}) \times 200\text{ đồng/kg} = 11.200.000\text{ đồng}$.

Ngược lại, bị đơn ông P trình bày đến ngày thu hoạch lúa, ông H cho ghe vào cân lúa nhưng chưa thanh toán số tiền lúa là 165.000.000 đồng, khoảng nửa tháng sau thì ông H mới thông báo cho ông biết đã bán lại số lúa kia cho ông Nguyễn Thế V và yêu cầu ông đến gặp ông V lấy tiền. Do trước đó ông mua phân thuốc còn nợ ông V số tiền 110.000.000 đồng nên đã thỏa thuận với ông V khấu trừ số tiền trên, sau khi khấu trừ số tiền mua lúa còn nợ lại là 55.000.000 đồng. Đến khoảng một năm sau, ông H thông báo cho ông biết ông V đã giao số tiền 15.000.000 đồng để khấu trừ số tiền cọc trước đó. Tuy nhiên, lời trình bày của ông P không được ông H thừa nhận và ông cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, xét thấy ông P đã thừa nhận đồng ý thỏa thuận khấu trừ số tiền 110.000.000 đồng mua phân thuốc còn nợ của ông V vào số tiền lúa 165.000.000 đồng nên có căn cứ xác định ông P đã bán lúa cho ông V nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc ông P phải trả lại số tiền cọc là có căn cứ.

[2.3] Xét thấy, bị đơn ông P trình bày đến ngày thu hoạch lúa, ông H cho ghe vào cân lúa nhưng chưa thanh toán số tiền lúa là 165.000.000 đồng, khoảng nửa tháng sau thì ông H mới thông báo cho ông biết đã bán lại số lúa kia cho ông Nguyễn Thế V và yêu cầu ông đến gặp ông V lấy tiền. Do trước đó ông mua phân thuốc còn nợ ông V số tiền 110.000.000 đồng nên đã thỏa thuận với ông V khấu trừ số tiền trên, sau khi khấu trừ số tiền mua lúa còn nợ lại là 55.000.000 đồng. Đến khoảng một năm sau, ông H thông báo cho ông biết ông V đã giao số tiền 15.000.000 đồng để khấu trừ số tiền cọc trước đó. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai và đưa ông Nguyễn Thế V vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, trường hợp đưa ông V vào tham gia tố tụng cũng không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần hủy án trong trường hợp này, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

[2.4] Đối với số tiền lúa 55.000.000 đồng mà ông Nguyễn Thế V còn nợ ông P, trường hợp có tranh chấp các bên có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét có không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông P có yêu cầu được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xét miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông P. Quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông P là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn án phí nên Hội đồng xét xử xét miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho ông P.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh về phần án phí.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 116, 280, 288, 328, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước H đối với ông Nguyễn Văn P và bà Bùi Thị B về việc yêu cầu trả tiền cọc.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Bùi Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Phước H số tiền cọc 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước H đối với ông Nguyễn Văn P và bà Bùi Thị B về việc yêu cầu trả tiền chênh lệch giá lúa 11.200.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phan Phước H phải chịu 560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 1.155.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002992 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8, Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho ông H số tiền 595.000 (năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn P. Bà Bùi Thị B phải có nghĩa vụ chịu 875.000 (tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn P.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 8 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tân Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân